

Bản án số: 14/2025/HS-PT
Ngày 06 – 01 – 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1131/2024/TLPT-HS ngày 8 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Bửu T và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 2 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Huỳnh Bửu T**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Bửu N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1969; vợ: Đường Thị Tú U, sinh năm 2001; bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2024 cho đến nay; có mặt.

2. **Huỳnh Bửu T1**, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Bửu N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1969; vợ: Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1993; bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2024 cho đến nay; có mặt.

3. **Quách Văn K**, sinh năm 1987 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: lớp 4/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn Tánh E, sinh năm

1969 và bà Ngô Thị S, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Huỳnh Thị S1**, sinh năm 2001 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Số A, ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: lớp 5/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1980 và bà Đào Thị Kim C, sinh năm 1981; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. **Đào Thị Kim C**, sinh năm 1981 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Số A, ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: lớp 5/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thái C1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1958; chồng: Dương Văn H, sinh năm 1986; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. **Ngô Thị S**, sinh năm 1968 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: lớp 3/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K1 (đã chết) và bà Lê Thị H1, sinh năm 1950; chồng: Quách Văn Tánh E, sinh năm 1969; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty T23 (gọi tắt Công ty T24). Địa chỉ: Số I, đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh K2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A, đường T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*:

1. Người bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1: Luật sư Đặng Văn T3 và Luật sư Phạm Tuấn A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị S1 và Đào Thị Kim C: Luật sư Nguyễn Văn L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị S: Luật sư Nguyễn Văn T4, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn C2 và các bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị; 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty T23 (gọi tắt là Công ty T24) có mở gói cho vay tài chính, sản phẩm L.G sim điện thoại (V5, M, V) qua kênh TSA. Theo đó người vay tiền chỉ cần có chứng minh nhân dân, sim điện thoại di động, người vay tiền gửi tin nhắn SMS đăng ký khoản vay hoặc đăng ký trên các trang Web của VPB FC. Khi nhận được thông

tin đăng ký vay tiền, nhân viên của Công ty sẽ tư vấn cho người vay và yêu cầu cung cấp thông tin giấy chứng minh nhân dân và số sim điện thoại, khi xác định người vay có đủ điều kiện vay Công ty sẽ phân công nhân viên phụ trách địa bàn gặp trực tiếp người vay để làm hợp đồng vay, sau đó sử dụng phần mềm Vymo tải hồ sơ người vay tiền lên hệ thống. Công ty sẽ thẩm định thông tin bằng cách gọi trực tiếp cho người vay tiền xác định lại giấy chứng minh nhân dân, số sim điện thoại mà không gặp mặt trực tiếp người vay tiền. Khi đủ điều kiện thì Công ty sẽ giải ngân và cấp mã OTP, người vay nhận tiền trực tiếp tại điểm chi hộ của Công ty hoặc chuyển khoản do mình lựa chọn. Tại điểm chi hộ, nhân viên kiểm tra lại thông tin chứng minh nhân dân, số sim điện thoại và mã OTP do Công ty cấp cho người vay tiền, khi xác định chính xác thì giao tiền và chụp ảnh người nhận tiền vay gửi về cho hệ thống của Công ty. Tại tỉnh Bến Tre, Công ty T25 có 05 nhân viên kinh doanh gồm: Quách Thị Yến N1, mã nhân viên DSA15166; Nguyễn Thị S3, mã nhân viên DSA15194; Lê Thị Huỳnh N2, mã nhân viên DA000296; Lê Huỳnh Đ, mã nhân viên DA000297 và Hồ Thanh P, mã nhân viên DA000801, những người này có nhiệm vụ tìm khách hàng có nhu cầu vay và tạo hồ sơ vay gửi về cho hệ thống của Công ty.

Đầu năm 2020, Huỳnh Bửu T được Lê Văn K3 rủ cùng tham gia làm hồ sơ vay giả để chiếm đoạt tiền của Công ty T24, nhưng sau đó giữa T và K3 xảy ra mâu thuẫn nên không thực hiện được ý định. Sau đó, do biết được thủ tục vay tiền của Công ty T24 đơn giản nên T đứng ra tổ chức và lôi kéo các đồng phạm khác cùng tham gia làm hồ sơ vay giả nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty.

Khoảng tháng 10/2020, thông qua quen biết T rủ Huỳnh Bửu T1, Nguyễn Văn C2, Quách Thị Yến N1, Nguyễn Thị S3 cùng tham gia thì được tất cả đồng ý. Ngoài việc tổ chức, T còn tham gia với vai trò là người giả người vay tiền, giả người thân của người vay tiền để trả lời cuộc gọi thẩm định của Công ty T24, tìm người giả người vay đi rút tiền, làm giấy chứng minh nhân dân giả để rút tiền, dẫn người đi nhận tiền, giữ tiền và chia tiền hưởng lợi cho các đồng phạm. T phân công nhiệm vụ cho T1 giả người vay tiền, giả người thân của người vay tiền để nghe điện thoại trả lời thẩm định hồ sơ vay từ nhân viên của Công ty; Chúc tìm người giả người vay tiền để lập hồ sơ vay, tìm người giả người vay đi rút tiền, dẫn người giả người vay đi rút tiền, nghe các cuộc gọi thẩm định của Công ty; nhiệm vụ của N1 và S3 là lập và đưa hồ sơ vay giả lên hệ thống của Công ty để được giải ngân, đồng thời tìm người giả người vay tiền, nghe điện thoại thẩm định; sau đó N1 rủ thêm Quách Văn K, Ngô Thị S; Sợp rủ Lương Thị Bích T5; Chúc rủ Đào Thị Kim C, Huỳnh Thị S1 và Nguyễn Thị Ngọc D tham gia giả người vay đi nhận tiền. T và các đồng phạm còn rủ thêm các đối tượng Phạm Quốc T6, Bùi Thế V1, Lê Đình K4, Nguyễn Minh X, Nguyễn Tuấn V2, Võ Minh T7, Phan Thị Hồng P1, Lê Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Đ1 và nhiều đối tượng khác tham gia cùng giúp sức thực hiện tội phạm. T thỏa thuận: Nếu tìm được người giả người vay tiền thì được hưởng số tiền 1.000.000 đồng/01 người; tìm được người giả người nhận tiền được hưởng số tiền 500.000đồng/01 người; giả người thân của người vay tiền để nghe cuộc gọi thẩm định của Công ty được hưởng số tiền 500.000 đồng/01 hồ sơ vay tiền; giả người vay nghe cuộc gọi thẩm định của Công ty được hưởng số tiền 1.000.000 đồng/01 hồ sơ vay tiền; lập và đưa hồ sơ vay tiền giả lên hệ thống duyệt hồ sơ vay của Công ty, khi giải ngân được hưởng 10% của số tiền vay. Để có nhiều hồ sơ vay tiền được đăng nhập lên hệ thống của Công ty T24, T còn rủ Lê Thị Huỳnh N2, Lê Huỳnh Đ, Hồ Thanh P, là nhân viên của Công

ty, tham gia và lấy mã nhân viên của những người này đưa cho N1 và S3 đăng nhập để tạo hồ sơ giả vay tiền.

Bảng thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2020 đến ngày 05/12/2020, T cùng với T1, N1, S3, C2, K, S1, C, S, D và các đồng phạm khác đã làm giả 48 hồ sơ vay tiền (45 hồ sơ vay số tiền 50.000.000 đồng/ 01 hồ sơ; 01 hồ sơ vay số tiền 35.000.000 đồng; 01 hồ sơ vay số tiền 30.000.000 đồng; 01 hồ sơ vay số tiền 20.000.000 đồng), chiếm đoạt của Công ty T24 với tổng số tiền 2.335.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Hồ sơ tên Nguyễn Thiện M vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Tân giả người vay nghe thẩm định, Hồ Thanh P nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Lương Thị Bích T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Lê Văn Tùng V3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, Tân giả người vay nghe thẩm định, Lê Thị Huỳnh N2 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Võ Minh T7 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Hữu H3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 giới thiệu người giả người vay tiền, P nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Tân giả người vay nghe thẩm định, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Quách Văn K giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Thông M1 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T1 giới thiệu người giả người vay tiền, giả người vay nghe thẩm định, N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định, Phạm Quốc T6 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Phan Thanh V4 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định, Nguyễn Tuấn V2 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Lưu Huy H4 vay số tiền 30.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Thị Ngọc H5 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Văn A1 (sinh năm 1969) số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sọp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Chúc giả người vay nghe thẩm định, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định, Nguyễn Văn T8 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Phan Thị Trinh N3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có, C2 giới thiệu người giả người vay tiền, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định, S1 giả người vay đi rút tiền, P nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Ninh Thị H6 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, Tân giả người thân của người vay nghe thẩm định, D giả người vay đi rút tiền, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Bùi Hoàng T9 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sọp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Nguyễn Văn T10 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Võ Long T11 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Chúc giả người thân của người vay nghe thẩm định, T1 giả người vay nghe thẩm định, Võ Thanh L2 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Thị Kim M2 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sọp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người thân của người vay nghe thẩm định, T5

giả người vay nghe thẩm định, Đào Thị Phương T12 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Lê Thị Mộng T13 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sợp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Chúc giả người thân của người vay nghe thẩm định, T5 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Thụy Yến H7 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Thị Ánh T14 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có P nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, T11 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Phan Thị Hồng P1 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Thị Ngọc U1 vay số tiền 20.000.000 đồng, tham gia có Lê Huỳnh Đức nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, C2 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Lê Thị Hồng H2 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Lưu Sơn H8 vay số tiền 35.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, giả người vay nghe thẩm định, Đức nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Nguyễn Minh X giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Đình K5 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T1 giả người vay nghe thẩm định, S3 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Giang Tấn P2 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T1 giả người vay nghe thẩm định, S3 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Đức nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Phan Tấn H9 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Văn A1 (sinh năm 1991) vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giả người vay nghe thẩm định, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Võ Thanh H10 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Thị P3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, Nguyễn Thị Đ1 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Vũ Thị N4 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giả người thân của người vay nghe thẩm định, Đức nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Đình T15 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giả người vay nghe thẩm định, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, T6 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Lê Thị U2 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T chở người giả người vay đi rút tiền, N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, S giả người vay đi rút tiền, T5 giả người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Nguyễn Thị N5 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T chở người giả người vay đi rút tiền, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, S giả người vay đi rút tiền, N1 giới thiệu người vay tiền, T5 giả người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Huỳnh Thị Y vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T chở người giả người vay đi rút tiền, C2 giới thiệu người vay tiền, N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, S1 giả người vay đi rút tiền, Nguyễn Thị Đ1 giả người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Lê Thị Y1 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, T chở người giả người vay đi rút tiền, T1 giả người thân của người vay nghe thẩm định, S1 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Thị Thanh H11 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, giả người thân của người vay nghe thẩm định, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, S1 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Hoàng P4 vay số

tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, giả người thân của người vay nghe thẩm định, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, Nguyễn Hoàng P5 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Huỳnh Hữu Đ2 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, giả người vay nghe thẩm định, Đức nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, P5 giả người đi rút tiền. Hồ sơ tên Trịnh Hoàn P6 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, Võ Minh T7 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Đỗ Nhật T16 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 giới thiệu người vay tiền, nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, T16 chờ đi rút tiền, K giả người vay đi rút tiền, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Bùi Văn P7 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 giới thiệu người vay tiền, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, T16 chờ đi rút tiền, K giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Nguyễn Tuấn H12 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 giới thiệu người vay tiền, S3 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, T16 chờ đi rút tiền, K giả người vay đi rút tiền, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định. Hồ sơ tên Trương Quý M3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, P2 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, Bùi Thế V1 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Lực T17 vay Số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 giới thiệu người vay tiền, N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, V1 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Phạm Khả L3 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Liên T18 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sọp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Phạm Thị Dung T19 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Sọp nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, giả người vay đi rút tiền, T1 giả người thân của người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Thu H13 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, P2 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, T1 giả người thân của người vay nghe thẩm định, T17 chờ đi rút tiền, C giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Trần Thị Kim H14 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Chúc giới thiệu người giả người vay tiền, P2 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, T1 giả người thân của người vay nghe thẩm định, T17 chờ đi rút tiền, C giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Phạm Lê T20 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có C2 và T1 giới thiệu người giả người vay tiền, Chúc giả người thân của người vay nghe thẩm định, Phước nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, T17 chờ đi rút tiền, C giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Lê Tiến A2 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T17 giới thiệu người giả người vay tiền, P2 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, T5 giả người thân của người vay nghe thẩm định, Lê Đình K4 giả người vay đi rút tiền. Hồ sơ tên Võ Thịnh Q vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có T17 giới thiệu người giả người vay tiền, Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, K4 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Trần Trường A3, tham

gia có T17 giới thiệu người giả người vay tiền, N1 nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T1 giả người vay nghe thẩm định, K4 giả người vay đi rút tiền và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Phạm Thị H15 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Như nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định, C2 giả người thân của người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên. Hồ sơ tên Nguyễn Phạm Đoan T21 vay số tiền 50.000.000 đồng, tham gia có Đ nhập hồ sơ vay lên hệ thống, T5 giả người vay nghe thẩm định và những người khác chưa rõ tên.

Tổng cộng, Huỳnh Bửu T tham gia làm giả 20 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 980.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 350.000.000 đồng. Huỳnh Bửu T1 tham gia làm giả 22 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 1.080.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 30.500.000 đồng. Nguyễn Văn C2 đã tham gia làm giả 24 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 1.155.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 26.000.000 đồng. Quách Thị Yến N1 tham gia làm giả 16 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 780.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 63.000.000 đồng. Nguyễn Thị S3 tham gia làm giả 14 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 700.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 61.000.000 đồng. Quách Văn K giả người vay đi rút tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 4.000.000 đồng. Huỳnh Thị S1 giả người vay đi nhận tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 10.000.000 đồng. Đào Thị Kim C là người giả người vay đi rút tiền của 03 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 150.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền là 3.000.000 đồng. Ngô Thị S giả người vay đi nhận tiền của 02 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 100.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 2.000.000 đồng. Nguyễn Thị Ngọc D giả người vay đi nhận tiền 01 hồ sơ vay chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 1.000.000 đồng.

Đến tháng 05/2021, Công ty T24 tiến hành rà soát các hồ sơ vay theo gói sản phẩm L.G sim của nhóm khách hàng vay chưa thanh toán kỳ nào tại tỉnh Bến Tre thì phát hiện 48 hồ sơ vay nợ xấu thời gian dài, hình ảnh khách hàng trên hồ sơ vay khác với hình ảnh khách hàng khi nhận tiền giải ngân, cùng một đối tượng nhưng có nhiều họ tên và số chứng minh nhân dân khác nhau nên trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

** Vật chứng thu giữ:*

- Do Công ty T24 giao nộp tài liệu của 48 hợp đồng vay gồm: Bản đề nghị vay vốn kèm hợp đồng vay; Danh sách xác minh 48 hồ sơ vay có ảnh chân dung của người vay tiền, người rút tiền, ảnh giấy biên nhận nhận tiền; file ghi âm cuộc gọi thẩm định người vay tiền, người thân của người vay tiền.

- Hình ảnh do Phan Thị Hồng P1, Lê Thị Hồng H2, Đào Thị Kim C, Huỳnh Thị S1, Quách Văn K, Ngô Thị S, Nguyễn Thị Ngọc D giao nộp.

- Do Nguyễn Thị Ngọc D giao nộp 4.000.000 đồng.

- Do Huỳnh Bửu T giao nộp 25.000.000 đồng.

- Do Huỳnh Bửu T1 giao nộp 25.000.000 đồng.

- Do Quách Văn K giao nộp 4.000.000 đồng.

- Do Ngô Thị S giao nộp: 01 áo vải màu vàng - đen, có hoa văn hình bông hoa

và số tiền 2.000.000 đồng.

- Do Đào Thị Kim C giao nộp: 01 áo khoác vải, màu tím, phía trên, bên trái áo có chữ “THE NORTH FACE” và số tiền 2.000.000 đồng.

- Do Huỳnh Thị S1 giao nộp: 01 áo khoác Jeans, màu hồng, có nút gài bằng kim loại màu đen, hình tròn.

- Do Nguyễn Minh X giao nộp: 01 áo sơ mi, dài tay, màu đen - xám trắng, bên trong cổ áo có chữ “C3, collection”.

- Do Bùi Thị Hoàng M4 (vợ bị cáo C2) giao nộp: số tiền 1.000.000 đồng.

- Do Quách Thị Yến N1 và Phạm Tuấn T22 (chồng bị cáo N1) giao nộp: 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu đen, mặt khóa “0000”, số imei 355405090765209 và số tiền 52.000.000 đồng (Nhi giao nộp 32.000.000 đồng; T22 giao nộp 20.000.000 đồng).

Do Nguyễn Tuấn V2 giao nộp 1.000.000 đồng. Do Phạm Quốc T6 giao nộp 25.000.000 đồng.

** Tại Bản kết luận giám định hình ảnh số 3557/KL-KTHS ngày 11/7/2023 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4, kết luận:*

Ảnh người cần giám định đứng tên: Phan Thị Trinh N3 (ký hiệu A2, A3); Lê Thị Y1 (ký hiệu A4, A5); Nguyễn Thị Thanh H11 (ký hiệu A6, A7); Huỳnh Thị Y (ký hiệu A8) so với ảnh người đứng tên Huỳnh Thị S1 mẫu so sánh (ký hiệu M2) là ảnh của cùng một người;

Ảnh người cần giám định đứng tên Nguyễn Thu H13 (ký hiệu A12), Trần Thị Kim H14 (A13, A14), Phạm Lệ T20 (A15, A16) so với ảnh người đứng tên Đào Thị Kim C mẫu so sánh (ký hiệu M4) là ảnh của cùng một người;

Ảnh người cần giám định đứng tên Đỗ Nhật T16 (ký hiệu A17), Bùi Văn P7 (A18, A19), Nguyễn Hữu H3 (ký hiệu A20), Nguyễn Tuấn H12 (ký hiệu A21, A22) so với ảnh người đứng tên Quách Văn K mẫu so sánh (ký hiệu M5) là ảnh của cùng một người;

Không đủ cơ sở kết luận ảnh người cần giám định đứng tên Lê Thị U2 (ký hiệu A23), Nguyễn Thị N5 (ký hiệu A24, A25) so với ảnh người đứng tên Ngô Thị S mẫu so sánh (ký hiệu M6) là có phải hay không phải ảnh của cùng một người;

Ảnh người cần giám định đứng tên Ninh Thị H6 (ký hiệu A26, A27) so với ảnh người đứng tên Nguyễn Thị Ngọc D mẫu so sánh (ký hiệu M7) là ảnh của cùng một người.

** Tại Bản kết luận giám định giọng nói số 5595/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4, kết luận:*

Tiếng nói của người nữ (người nữ nói chuyện với nhân viên Công ty T24) trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định có số thứ tự 76, 77, là của bị cáo Nguyễn Thị S3;

Tiếng nói của người nam (người nam nói chuyện với nhân viên của Công ty T24) trong 10 file âm thanh mẫu cần giám định có số thứ tự 01, 12, 17, 53, 55, 56, 58, 60, 62, 64, là của bị cáo Huỳnh Bửu T;

Tiếng nói của người nam (người nam nói chuyện với nhân viên của Công ty T24) trong 21 file âm thanh mẫu cần giám định có số thứ tự 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 57, 59, 61, 63, 87, là của bị cáo Huỳnh Bửu T1;

Tiếng nói của người nam (người nam nói chuyện với nhân viên của Công ty T24) trong 13 file có số thứ tự 22, 23, 24, 25, 26, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85 là của bị cáo Nguyễn Văn C2.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập; các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía bị hại và đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ các khoản tiền bồi thường và các vật chứng có đặc điểm như đã nêu trên chuyển sang vụ án khác để tiếp tục điều tra theo Quyết định tách vụ án hình sự số: 638/QĐ-CSHS ngày 24/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1, Đào Thị Kim C, Ngô Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bửu T 15 (mười lăm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2024.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bửu T1 13 (mười ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2024.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Quách Văn K 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S1 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Thị Kim C 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

6. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Thị S 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C2, Quách Thị Yến N1, Nguyễn Thị S3, Nguyễn Thị Ngọc D; phần trách nhiệm dân sự, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Huỳnh Bửu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Huỳnh Bửu T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/10/2024, bị cáo Ngô Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 16/10/2024, bị cáo Đào Thị Kim C kháng cáo kêu oan, không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là quá nghiêm khắc. Trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn quyết định bị cáo phạm tội thì xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 17/10/2024, bị cáo Huỳnh Thị S1 kháng cáo kêu oan, không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là quá nghiêm khắc.

Ngày 17/10/2024, bị cáo Quách Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Ngô Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Huỳnh Thị S1 và Đào Thị Kim C thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1, Đào Thị Kim C, Ngô Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đúng quy định pháp luật. Xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là tương xứng tính chất mức độ, hành vi phạm tội và không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt nào mới. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngô Thị S, Huỳnh Thị S1 và Đào Thị Kim C không tranh luận về tội danh. Tuy nhiên các luật sư cho rằng mức án tòa sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nghiêm khắc vì các bị cáo đều là những người thiếu hiểu biết về pháp luật và xã hội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giữ vai trò thứ yếu, số tiền hưởng lợi ít và đã đều nộp lại để khắc phục hậu quả.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bửu T và Huỳnh Bửu T1 cho rằng cấp sơ thẩm tách hành vi của Lê Văn K3 không xử lý trong cùng vụ án gây bất lợi cho bị cáo T vì Luật sư cho rằng Lê Văn K3 mới là chủ mưu, cầm đầu. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản

án sơ thẩm. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và T1, vì 02 bị cáo là anh em ruột.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Thị S và Đào Thị Kim C cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho 02 bị cáo vì bị cáo C có con là bị cáo Huỳnh Thị S1 bị mức án 07 năm tù. Bị cáo S có 02 con cũng là bị cáo trong vụ án là bị cáo bị cáo Quách Văn K với mức án 07 năm tù và bị cáo Quách Thị Yến N1 mức án 12 năm tù.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các bị cáo trong vụ án đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đều phù hợp.

[2] Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2020 đến ngày 05/12/2020; bị cáo Huỳnh Bửu T cùng với các bị cáo Huỳnh Bửu T1, Nguyễn Văn C2, Quách Thị Yến N1, Nguyễn Thị S3, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1, Ngô Thị S, Đào Thị Kim C và Nguyễn Thị Ngọc D đã cấu kết với nhau làm giả 48 hồ sơ vay tiền của Công ty T24, chiếm đoạt tổng số tiền 2.335.000.000 đồng. Trong đó: bị cáo Huỳnh Bửu T tham gia làm giả 20 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 980.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 350.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Bửu T1 tham gia làm giả 22 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 1.080.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 30.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn C2 tham gia làm giả 24 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 1.155.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 26.000.000 đồng; bị cáo Quách Thị Yến N1 tham gia làm giả 16 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 780.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 63.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị S3 tham gia làm giả 14 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 700.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 61.000.000 đồng; bị cáo Quách Văn K tham gia đi rút tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Thị S1 giả người vay đi nhận tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Đào Thị Kim C giả người vay đi rút tiền của 03 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 150.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền là 3.000.000

đồng; bị cáo Ngô Thị S giả người vay đi nhận tiền của 02 sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 100.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng; và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D giả người vay đi nhận tiền 01 hồ sơ vay, chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1, Đào Thị Kim C, Ngô Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xuất phát từ lòng tham nên bị cáo Huỳnh Bửu T đã câu kết với các bị cáo T1, C2, N1, S3, K, S1, C, S, D và một số đối tượng khác để làm giả hồ sơ người có nhu cầu vay tiền bằng thủ đoạn đóng giả người vay tiền, giả người thân của người vay tiền để trả lời cuộc gọi thẩm định của Công ty T24, lập và đưa hồ sơ vay tiền giả lên hệ thống duyệt hồ sơ vay của Công ty T24, làm giấy chứng minh nhân dân giả để rút tiền, giả người vay đi rút tiền, dẫn người đi nhận tiền, giữ tiền và chia tiền hưởng lợi cho các đồng phạm. Hậu quả các bị cáo đã làm giả 48 hồ sơ vay tiền chiếm đoạt của Công ty T24 tổng số tiền 2.335.000.000 đồng; số tiền chiếm đoạt được các bị cáo và các đối tượng khác đã chia nhau tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo, cũng như đề răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo đồng phạm với nhau nhưng có vai trò, số tiền chiếm đoạt và hưởng lợi khác nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự khác nhau và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

* Đối với bị cáo Huỳnh Bửu T: Là người lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện tội phạm; tham gia làm giả 20 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 980.000.000 đồng, hưởng lợi nhiều nhất với số tiền 350.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm cao nhất.

* Đối với bị cáo Huỳnh Bửu T1: Đã tham gia tích cực, là người giúp sức và thực hiện tội phạm; tham gia làm giả 22 hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt tổng số tiền 1.080.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 30.500.000 đồng, nên trách nhiệm hình sự có phần nhẹ hơn bị cáo T;

* Đối với các bị cáo Quách Văn K và Huỳnh Thị S1: Đã tham gia với vai trò là người giúp sức; bị cáo K tham gia đi rút tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo S1 giả người vay đi nhận tiền của 04 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000 đồng, hưởng lợi được số tiền 10.000.000 đồng, nên trách nhiệm hình sự của 02 bị cáo K và S1 là bằng nhau nhưng thấp hơn các bị cáo T, T1;

* Đối với các bị cáo Đào Thị Kim C, Ngô Thị S: Đã tham gia với vai trò là người giúp sức; bị cáo C giả người vay đi rút tiền của 03 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 150.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền là 3.000.000 đồng; bị cáo S giả người vay đi nhận tiền của 02 hồ sơ vay, chiếm đoạt tổng số tiền 100.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng, nên trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấp hơn 02 bị cáo K và S1;

Trên cơ sở đánh giá vai trò của các bị cáo trong mối quan hệ với các bị cáo khác khi thực hiện hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt trách nhiệm hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Huỳnh Bửu T 15 (mười lăm) năm tù; Huỳnh Bửu T1 13 (mười ba) năm tù; Quách Văn K 07 (bảy) năm tù; Huỳnh Thị S1 07 (bảy) năm tù; Đào Thị Kim C 02 (hai) năm tù; Ngô Thị S 02 (hai) năm tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K và Huỳnh Thị S1 không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S mặc dù cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên xét thấy cả 02 bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, nhận thức về pháp luật hạn chế, đồng phạm nhưng giữ vai trò thứ yếu trong vụ án; số tiền hưởng lợi không đáng kể và đã nộp lại. Ngoài ra 02 bị cáo đều có người thân là con con ruột cũng là bị cáo trong vụ án. Do đó để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự theo nguyên tắc cải tạo, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S.

[4] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bửu T cho rằng, việc không xử lý Lê Văn K3 là bất lợi cho bị cáo T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi của Lê Văn K3 liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như hành vi khác của Lê Văn K3 và các đối tượng khác. Đồng thời do thời hạn điều tra đã hết nên cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ. Do đó quan điểm của các Luật sư về luận điểm này, cũng như đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K và Huỳnh Thị S1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K và Huỳnh Thị S1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1. Sửa phần hình phạt đối với các bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S.

[2] Tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1, Đào Thị Kim C, Ngô Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bửu T 15 (mười lăm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bửu T1 13 (mười ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Quách Văn K 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S1 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Thị Kim C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

6. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Thị S 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Bửu T, Huỳnh Bửu T1, Quách Văn K, Huỳnh Thị S1 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Bị cáo Đào Thị Kim C và Ngô Thị S không phải chịu.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre;
- (Tổng đạt cho bị cáo) (2);
- BCTN (4);
- Lưu (6). HS (2) 20b (Án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long